

Bản án số: 2170/2017/DS-ST.

Ngày: 27-09-2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước.
2. Bà Nguyễn Kim Yển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1125/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 06 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2017/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ: 123 đường L.H, phường L.H, quận Đ, thành phố H Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông T, địa chỉ: số 123 đường C.H, Phường bb, quận T.B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 804/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 14/05/2017).

2. Bị đơn: Ông H, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: 123 đường X, phường aa, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông T làm đại diện trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (Sau đây gọi tắt là: Ngân Hàng V) có phê duyệt cho ông H vay tiêu dùng số tiền là 42.000.000 đồng, đã bao gồm tiền phí bảo hiểm là 2.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 20130108-100010-0007 ngày 08/01/2013. Theo đó, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay hàng tháng là 2,5%/tháng, khoản trả hàng tháng là 1.783.000 đồng theo phương thức trả góp, thời hạn cho vay 36 tháng.

Ngân hàng V đã tiến hành giải ngân số tiền vay 40.000.000 đồng vào tài khoản của ông H ngày 11/01/2013 và tiền phí bảo hiểm 2.000.000 đồng cho Công ty Bảo hiểm B theo đúng thỏa thuận hợp đồng.

Tuy nhiên, ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ hàng tháng theo thỏa thuận. Cho đến ngày 26/01/2015, ông H đã thanh toán tổng cộng 24 lần là 42.792.000 đồng và không tiếp tục thanh toán cho các kỳ còn lại.

Vì vậy, Ngân Hàng V khởi kiện ông H yêu cầu thanh toán số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20130108-100010-0007 ngày 08/01/2013 và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả xong nợ, không yêu cầu phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng V chỉ yêu cầu ông H thanh toán số tiền còn nợ nêu trên, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng vì đây là hợp đồng tín dụng cho vay tiêu dùng hợp pháp của cá nhân ông H.

** Bị đơn ông H* đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.

* *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh*: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án tuân theo quy định của pháp luật và thụ lý đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền tranh tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông H trả số tiền còn thiếu tổng cộng là 21.394.064 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 20130108-100010-0007 ngày 08/01/2013, tiền lãi tiếp tục phát sinh trên tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông H, thường trú 123 đường X, phường aa, quận Bình Thạnh phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường aa, quận Bình Thạnh theo Quyết định số 1281/2017/QĐ-CCTLCC ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy ông H vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến Hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông H.

Tại đơn khởi kiện và Biên bản ngày 20/6/2017, Ngân Hàng V xác nhận việc cho ông H vay để tiêu dùng cá nhân nên chỉ yêu cầu cá nhân ông H phải có trách nhiệm trả các khoản nợ còn thiếu, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng ông H nên đề nghị Tòa án không triệu tập vợ ông H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông H nhưng vẫn không có ý kiến phản đối. Do đó, Tòa án

không triệu tập vợ ông H tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, Ngân Hàng V khởi kiện ông H yêu cầu trả số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20130108-100010-0007 ngày 08/01/2013 tổng cộng 21.394.064 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả xong nợ, không yêu cầu phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V hoạt động các lĩnh vực tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (mã số doanh nghiệp: 0100233583) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H Nội cấp; đồng thời, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động trong những ngành nghề theo uỷ quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20130108-100010-0007 ngày 08/01/2013, Ngân Hàng V và ông H thỏa thuận: Ngân Hàng V cho ông H vay tiêu dùng là 42.000.000 đồng, đã bao gồm tiền phí bảo hiểm tiền vay là 2.000.000 đồng; ông H có nghĩa vụ trả tiền vay vào ngày 08 (Tám) hàng tháng là 1.783.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 11/02/2013, lãi suất 2,5%/tháng với thời hạn 36 tháng; hai bên có thỏa thuận về phạt chậm trả, và không thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất hàng tháng theo từng thời kỳ của Ngân Hàng cho vay. Xét chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 (Điều 122, Điều 123, và Điều 124 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11) và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng đã cam kết, Ngân Hàng V đã chuyển số tiền vay theo thỏa thuận là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) vào tài khoản của ông H số 45035549 mở tại Ngân Hàng V ngày 11/01/2013 và đã chuyển tiền phí bảo hiểm tiền vay là 2.000.000 đồng cho Công ty B theo yêu cầu của ông H ngày 11/01/2013

nên tổng số tiền vay 42.000.000 đồng mà Ngân Hàng V đã chuyển là phù hợp với Điều 3 và Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 20130108-100010-0007.

Căn cứ Bảng tính lãi, tiền lãi phải trả của kỳ đầu tiên từ ngày giải ngân 11/01/2013 cho đến ngày phải trả 11/02/2013 (Là 01 tháng) là 42.000.000 đồng $\times 2,5\%/tháng = 1.050.000$ đồng, tiền gốc phải trả kỳ đầu tiên 1.783.000 đồng - 1.050.000 đồng = 733.000 đồng, dư nợ gốc mới 42.000.000 đồng - 733.000 đồng = 41.267.000 đồng; tiền lãi kỳ thứ hai là 41.267.000 đồng $\times 2,5\%/tháng = 1.031.675$ đồng. Tương tự tính cho các kỳ tiếp theo, tiền lãi và tiền gốc phải trả của các kỳ tiếp theo đều phù hợp với bảng tính lãi theo lãi suất 2,5%/tháng. Do đó, căn cứ khoản 1.11 Điều 1, khoản 2.2 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 20130108-100010-0007, mặc dù Lịch trả nợ thể hiện lãi vay là 35%/năm, tương đương 35%/năm : 12 tháng = 2,92%/tháng là cao hơn so với hợp đồng tín dụng nhưng lãi suất áp dụng trong bảng tính theo phân tích nêu trên là 2,5%/tháng là phù hợp với thỏa thuận hợp đồng nên người vay là ông H phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng lịch trả nợ đã được thỏa thuận.

Ông H đã thực hiện trả cho Ngân Hàng V 24 (Hai mươi bốn) lần tổng cộng là 42.792.000 đồng và từ ngày 26/01/2015, ông H không tiếp tục trả tiền cho 12 (Mười hai) kỳ còn lại có kỳ trả nợ cuối cùng ngày 11/01/2016 là vi phạm khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng nên căn cứ Điều 2, Điều 9 của hợp đồng và lịch trả nợ, có đủ cơ sở buộc ông H phải trả số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tiền phạt chậm trả theo khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 20130108-100010-0007 ngày 08/01/2013 và tiền lãi phát sinh đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật là tự nguyện, có lợi cho người vay là ông H nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Căn cứ thỏa thuận hợp đồng và lịch trả nợ, thứ tự ưu tiên thanh toán Hàng tháng là tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn thiếu theo lãi suất 2,5%/tháng và một phần tiền gốc sao cho số tiền phải thanh toán Hàng tháng là 1.783.000 đồng của 35 (Ba mươi lăm) tháng đầu và tháng thứ 36 (Ba mươi sáu) trả số tiền còn lại nên tổng số tiền lãi phải thanh toán của 36 kỳ là 22.186.065 đồng. Thực tế, ông H đã thanh toán 24 (Hai mươi bốn) lần tổng cộng là 42.792.000 đồng, trong đó tiền lãi đã thanh toán là 19.080.155 đồng, tiền gốc đã thanh toán là (42.792.000 đồng - 19.080.155 đồng = 23.711.845 đồng. Như vậy, số tiền mà ông H còn thiếu Ngân Hàng V là:

- Tiền vay gốc: 42.000.000 đồng - 23.711.845 đồng = 18.288.155 đồng (Mười tám triệu hai trăm tám mươi tám ngàn một trăm năm mươi lăm đồng).

- Tiền lãi phát sinh: 22.186.065 đồng - 19.080.155 đồng = 3.105.910 đồng (Ba triệu một trăm lẻ năm ngàn chín trăm mười đồng).

Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi mà ông H còn thiếu Ngân Hàng V là 18.288.155 đồng + 3.105.910 đồng = 21.394.065 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông H trả số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20130108-100010-0007 ngày 08/01/2013 tổng cộng là 21.394.065 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 18.288.155 đồng và tiền lãi phát sinh là 3.105.910 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn ông H phải chịu án phí sơ thẩm là: 21.394.065 đồng x 5% = 1.069.703 đồng (Một triệu sáu mươi chín ngàn bảy trăm lẻ ba đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Ông H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20130108-100010-0007 ngày 08/01/2013 tổng cộng là 21.394.065 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn sáu mươi lăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 18.288.155 đồng (Mười tám triệu hai trăm tám mươi tám ngàn một trăm năm mươi lăm đồng) và tiền lãi là 3.105.910 đồng (Ba triệu một trăm lẻ năm ngàn chín trăm mười đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không yêu cầu tiền phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh từ khi vi phạm cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông H tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu theo lãi suất do hai bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20130108-100010-0007 ngày 08/01/2013 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự là 1.069.703 đồng (Một triệu sáu mươi chín ngàn bảy trăm lẻ ba đồng) ông H phải chịu.

2.2. Hoàn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 535.000 đồng (Năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0002153 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, và thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân